TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2022
Về việc "Tranh chấp Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đ1.

2. Bà Nguyễn Thị X.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức T – Thư ký Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Đ2 – Kiểm Sát Viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận M Tp.Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 730/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hoài A, sinh năm 1975

Địa chỉ: phòng B, tòa nhà Q, số Z, đường N, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Tuấn H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số G Đường K, Cư xá O, Phường R, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản hoà giải, nguyên đơn bà Nguyễn Hoài Tâm Anh trình bày như sau:

Bà Nguyễn Hoài A và ông Phan Tuấn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường R, Quận M theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 91 ngày 27/6/2002. Quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung là Phan N, sinh ngày 12/02/2004.

Quá trình chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống chung không hạnh phúc, các bên có khác biệt lớn về suy nghĩ, tính cách dẫn đến bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Hiện nay, bà và ông H đã ly thân.

- Về con chung: cháu Phan N đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/4/2022, ông Phan Tuấn H yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông và đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Hoài Tâm A.

Tại phiên toà hôm nay:

Các đương sự đều có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài Tâm A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Tuấn H có địa chỉ tại Số G Đường K, Cư xá O, Phường R, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài Tâm A và bị đơn ông Phan Tuấn H đều có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án tiến hành xét xử vụ án. Căn cứ Điều 238 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Hoài Tâm A và ông Phan Tuấn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 91 do Ủy ban nhân dân Phường R, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/6/2002 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Tuấn H và bà Nguyễn Hoài Tâm A là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy đã đủ cơ sở xác định: Trong quá trình chung sống, giữa ông H và bà Tâm A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không tìm thấy sự thông cảm và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống gia đình, vì vậy hai bên đã sống ly thân. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Hoài Tâm A với ông Phan Tuấn H.

[3] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phan N sinh ngày 12/02/2004 hiện đã đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: bà Nguyễn Hoài Tâm A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn - Bà Nguyễn Hoài Tâm A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hoài Tâm A.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hoài Tâm A được ly hôn với ông Phan Tuấn H.

1.2. Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phan N sinh ngày 12/02/2004, đã đủ 18 tuổi.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hoài Tâm A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Tâm A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0006781 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận M. Bà Nguyễn Hoài Tâm A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Hoài Tâm A, bị đơn Ông Phan Tuấn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND QM, TP.HCM;
- Chi cục THA Dân sự QM;
- Ủy ban nhân dân Phường R, Quận M;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi D